

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M – TP HÀ NỘI

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2019.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Lâm Bình**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lê Mạnh Nhanh**.

Ông **Nguyễn Văn Sơn**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Thu Hương** – Cán bộ TAND huyện M.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Khắc Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M – TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đàm Thị Thu H (Tên gọi khác Đàm Thu H)**, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Xóm H I, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

2. Bị đơn: Anh **Lê Đình T (Tên gọi khác T)**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

3. Người làm chứng: Ông **Lê Đình T1**, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Xóm 16, thôn T, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

(Chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T và ông T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị **Đàm Thị Thu H** và anh **Lê Đình T** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng ngày 14/12/2002. Sau khi cưới chị H về nhà anh T làm dâu, sống cùng bố mẹ đẻ của anh T khoảng 03 tháng sau đó vợ chồng chuyển đến xóm H I, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng sinh

sống, làm ăn vợ chồng anh chị đều làm ruộng. Cuộc sống chung vợ chồng không Hạnh phúc, nguyên nhân do anh T không chịu khó làm ăn, không có trách nhiệm gì với gia đình và vợ con. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Sau 02 tháng sống tại Cao Bằng (Tháng 3/2003) anh T bỏ mẹ con chị về xã H, huyện M, TP Hà Nội sinh sống, từ đó chị và anh T sống ly thân. Chị và anh T cũng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung, cháu **Đàm Thị Thu H**, sinh ngày **30/8/2003**. Từ khi chị và anh T sống ly thân cháu H ở với chị, ly hôn chị H xin nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không vướng mắc, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Lê Đình T: Mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Ông Lê Đình T1 là bố đẻ và ở cùng nhà với anh T cho biết: Anh T và chị H tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi cưới chị H về nhà ông làm dâu, sống cùng ông một thời gian ngắn thì chị H bỏ đi. Chị H đi đâu, làm gì gia đình ông không biết. Anh T đi tìm chị H nhiều lần nhưng không có kết quả, từ tháng 5/2003 đến nay chị H và anh T sống ly thân. Bản thân chị H, anh T và gia đình hai bên thông gia không còn quan tâm và liên quan gì đến nhau. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, ông xác nhận cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh T không Hạnh phúc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T, chị H được ly hôn.

Về phần anh T: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh T đang sống cùng bà, hiện nay anh T làm nghề tự do, phải di chuyển nhiều. Ông T1 không biết địa chỉ nơi làm việc của anh T, thỉnh thoảng anh T có về nhà và thường xuyên gọi điện về cho ông. Anh T biết việc chị H có đơn xin ly hôn, anh T đã nhiều lần nhận được Giấy triệu tập và các văn bản Tòa án tổng đạt nhưng do phải đi làm ăn nên anh T không thể đến Tòa án để làm việc. Anh T xác nhận không còn tình cảm gì với chị H, anh T đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: Ông T1 thừa nhận anh T, chị H có một con chung, cháu Đàm Thị Thu H sinh ngày 30/8/2003. Từ khi anh T, chị H không ở với nhau cháu H được chị H nuôi dưỡng. Do điều kiện đường xá xa xôi gia đình ông và anh T không có điều kiện thăm nom cháu H. Trường hợp anh T, chị H ly hôn, anh T và gia đình ông đồng ý giao cháu H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông T1 xác nhận do vợ chồng anh T, chị H không có tài sản chung, không nợ nần gì ai.

Tòa án đã kiên trì tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả do anh T vắng mặt, còn chị H tha thiết xin được ly hôn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự như tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn... Việc bị đơn vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đàm Thị Thu H.
- Về con chung: Giao cháu Đàm Thị Thu H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đàm Thị Thu H đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị H vắng mặt có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh T trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng anh chị không

phúc, nguyên nhân do vợ, chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, nhiều mâu thuẫn, rạn nứt không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2003 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, kinh tế riêng biệt. Chị H kiên quyết xin ly hôn và không chấp nhận đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, Hnh phúc thực sự không thể níu kéo, không còn sự yêu thương, quý trọng nhau, không quan tâm đến nhau, hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về vấn đề con chung: Anh T, chị H có 01 con chung là cháu Đàm Thị Thu H sinh ngày 30/8/2003. Vợ chồng ly hôn chị H xin tiếp tục nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T nhất trí giao cháu H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu H, cháu H có nguyện vọng xin được ở với mẹ vì không muốn xáo trộn trong việc học tập, sinh hoạt. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là ý chí tự nguyện của các đương sự và phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị H, anh T. Giao cháu Đàm Thị Thu H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu mới.

[4] Về tài sản chung: Chị H, ông T1 (Bố đẻ của anh T) đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, không đề nghị Tòa xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Đàm Thị Thu H (Tức Đàm Thu H)**. Chị **Đàm Thị Thu H** được ly hôn anh **Lê Đình T (Tức Lê Đình T)**.

Về con chung: Giao cháu **Đàm Thị Thu H** sinh ngày **30/8/2003** cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu mới.

- Anh T được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị **Đàm Thị Thu H** phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số **2215** ngày **22/4/2019** của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, TP Hà Nội.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời Hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKS ND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lâm Bình